

Bản án số: 361/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích C, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ 27, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ 13, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bích C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, chị và anh T quen biết nhau và sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh T tự nguyện kết hôn, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, khoảng 03 năm gần đây thì thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống và anh T thường hay đánh đập chị. Do không thể tiếp tục chung sống nên anh chị đã ly thân khoảng 4 tháng nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly

hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: anh chị có 02 (hai) con chung tên Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 12/11/2011 và Trần Minh Phước D, sinh ngày 21/5/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu thì anh chị tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức. Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên trong quá trình chung sống thỉnh thoảng có cự cãi và cũng có 02-03 lần anh đánh vợ, lý do đánh là do cự cãi anh có nóng tánh nên đánh vợ. Nay anh nhận thấy mình đã sai nên rất mong hàn gắn với vợ. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với Chi. Nếu tại phiên tòa mà Chi cương quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: đồng ý giao 02 con Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 12/11/2011 và Trần Minh Phước D, sinh ngày 21/5/2016 cho Chi tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bích C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, địa chỉ cư trú của anh T là tại ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không có lý do và chị Bích C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Bích C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Bích C và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Nay do phát sinh mâu thuẫn nên chị Bích C yêu cầu được ly hôn với anh T, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là bạo lực gia đình như chị C trình bày, nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh xin được cơ hội hàn gắn.

Nhưng anh T cũng cho rằng nếu chị C kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Như vậy cho thấy tuy anh không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thiết tha mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình cũng như không nêu ra biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, hiện anh đang sinh sống tại địa phương nhưng lại không tham gia phiên tòa cho thấy anh đã không còn quan tâm đến hôn nhân với chị Bích C. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của chị Bích C với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: anh chị có 02 con Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 12/11/2011 và Trần Minh Phước D, sinh ngày 21/5/2016. Hiện con chung đang do chị Bích C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận thống nhất sẽ giao con chung cho chị Bích C tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con, xét thấy hiện con chung đang được chị Bích C nuôi dưỡng tốt và sự thỏa thuận cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Xét thấy cần đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt cũng như sự ổn định về tâm lý và sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này, giao con chung cho chị Bích C được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bích C và gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh chị thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: chị Bích C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích C.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bích C được ly hôn với anh Trần Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2011 quyển số 01/2011 ngày 22 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp

cho chị Trần Thị Bích C và anh Trần Minh T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: anh T và chị Bích C có 02 con Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 12/11/2011 và Trần Minh Phước D, sinh ngày 21/5/2016.

Giao 02 (hai) con chung cho chị Bích C được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C và gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006406 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bích C và anh Trần Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương